

Hoạt động phát hành TPDN đạt kỷ lục trong T6

- Giá trị TPDN phát hành thành công trong T6 đạt 123.7 nghìn tỷ đồng, tăng 79% so với tháng trước và tăng 87% svck, lũy kế 6T25 đạt hơn 265.8 nghìn tỷ đồng, tăng 91.3% svck.
- Lũy kế từ đầu năm đến nay, ước tính khoảng 125 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (+68% svck).
- Đến cuối tháng 6, lợi suất TPCP kỳ hạn 10N tăng 11 điểm cơ bản so với cuối tháng 5 lên mức 3.2%/năm.

Trái phiếu Doanh nghiệp

Hoạt động phát hành TPDN đạt kỷ lục trong tháng 6

Thị trường TPDN trong tháng 6 ghi nhận sự sôi động với 106 đợt phát hành mới có tổng giá trị phát hành thành công ước tính khoảng 123.7 nghìn tỷ đồng – tăng mạnh 87% svck và là giá trị phát hành theo tháng cao nhất kể từ trước đến nay. Trong đó nhóm Ngân hàng tiếp tục là đầu kéo với giá trị phát hành đạt hơn 98.5 nghìn tỷ đồng (+103% so với tháng trước, +91% svck), chiếm 80% tổng giá trị phát hành. Các DN có tổng giá trị phát hành cao trong tháng bao gồm: ACB (24.8 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 24 – 36 tháng, lãi suất 4.95% - 5.6%), TCB (16.5 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 24 - 36 tháng, lãi suất 5% - 5.1%), MBB (14.7 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 36 - 120 tháng, lãi suất 5% - 6.48%).

Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đạt hơn 265.8 nghìn tỷ đồng, tăng 91.3% svck. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong 6T25 ước đạt khoảng 6.8%, thấp hơn so với mức trung bình 7.2% của năm 2024.

Ngân hàng là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất (chiếm 75% tổng giá trị phát hành) với gần 198.5 nghìn tỷ - tăng 131% svck, tương đương 67% tổng giá trị phát hành của cả năm 2024. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 5.6%/năm, kỳ hạn bình quân 4.4 năm. Các ngân hàng có giá trị phát hành lớn nhất từ đầu năm đến nay bao gồm: TCB (37 nghìn tỷ đồng), ACB (29.2 nghìn tỷ đồng), và BIDV (17.8 nghìn tỷ đồng). Xu hướng đẩy mạnh hoạt động phát hành của các TCTD cho thấy nhu cầu gia tăng vốn trung và dài hạn, đặc biệt trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng bất ngờ tăng tốc trong tháng cuối Q2 lên mức 9.9% trong khi lãi suất huy động vẫn giữ mặt bằng thấp. Chúng tôi ước tính tốc độ tăng trưởng tín dụng cao hơn khoảng 1.3 - 1.5 lần so với tốc độ tăng trưởng huy động vốn.

Nhóm **Bất động sản** chiếm tỷ trọng 15% trong tháng 6T25 với tổng giá trị phát hành 40.2 nghìn tỷ đồng, tăng 24% svck. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 10.5%/năm, kỳ hạn bình quân là 2.5 năm. Các doanh nghiệp có giá trị phát hành lớn nhất bao gồm: Tập đoàn Vingroup (18 nghìn tỷ đồng), CTCP Tư vấn và kinh doanh bất động sản TCO (8 nghìn tỷ đồng) và Công ty TNHH Dịch vụ thương mại tổng hợp An Thịnh (5 nghìn tỷ đồng).

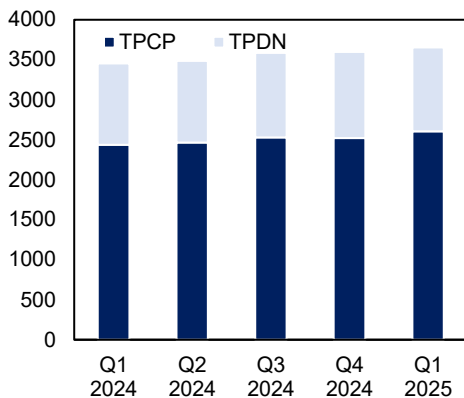
Hoạt động mua lại TPDN trong tháng 6 sôi động

Trong tháng 6, giá trị TPDN mua lại trước hạn ước tính khoảng hơn 63.6 nghìn tỷ đồng, tăng 193% so với tháng trước, và tăng 150% svck. Trong đó, nhóm ngành Ngân hàng chiếm tỷ trọng cao nhất 83.7% với tổng giá trị mua lại ước tính đạt gần 53.3 nghìn tỷ đồng (+166% svck). Ngoài ra, giá trị mua lại của nhóm ngành Dịch vụ cũng tăng mạnh hơn 9 lần svck khi đạt 3.4 nghìn tỷ đồng, chiếm 5.3% tổng giá trị mua lại trong tháng. Lũy kế 6T25, khoảng 125 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (+68% svck), với đóng góp chủ yếu từ hoạt động mua lại của nhóm Ngân hàng (+54% svck) và nhóm Bất động sản (+142% svck).

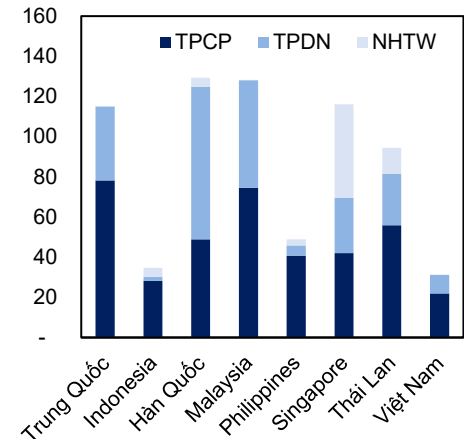
Tháng 6 ghi nhận 11 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi

Về tình hình chậm trả, tháng 6 ghi nhận 11 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi với trị giá khoảng 8.1 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 6T25, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán ước khoảng 45 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 5% dư nợ TPDN của toàn thị trường, trong đó nhóm Bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất với 65%.

Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q1 2025)

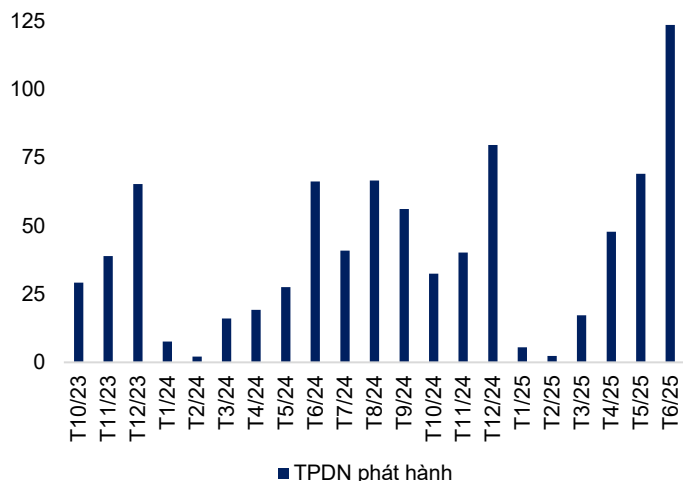


Chuyên viên phân tích

Nguyễn Phương Anh

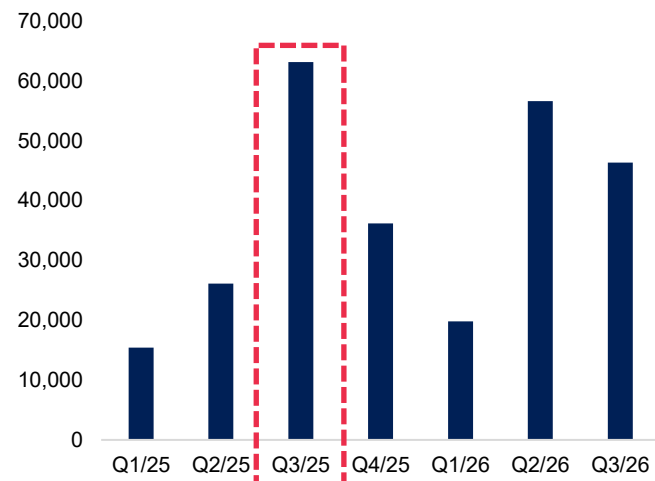
Anh2.NguyenPhuong@mbs.com.vn

Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/7)



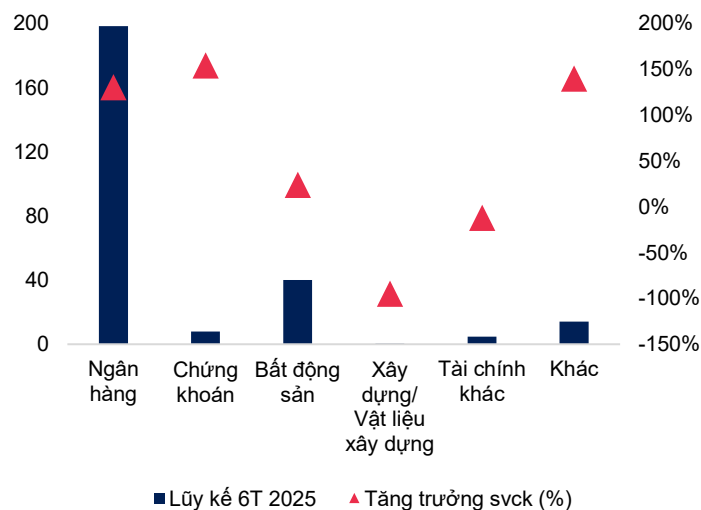
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Tỷ đồng)



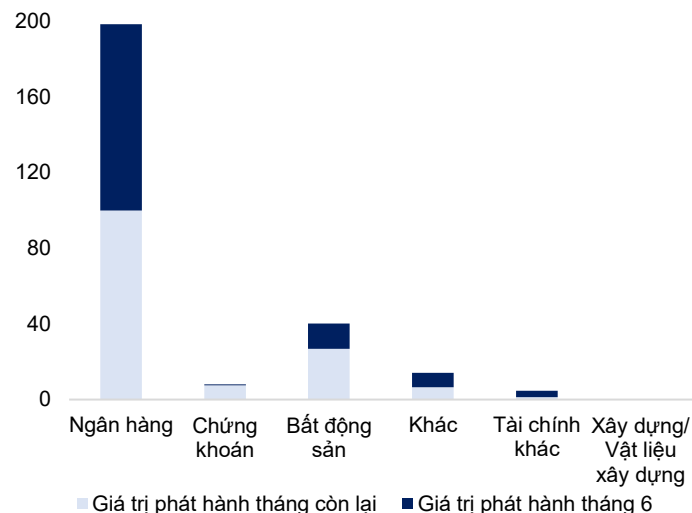
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Giá trị TPDN phát hành thành công của các nhóm ngành trong lũy kế từ đầu năm (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



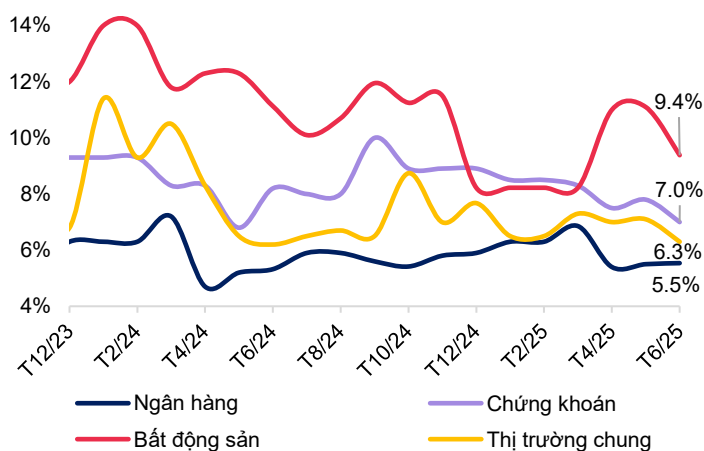
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 4: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ đầu năm 2025 theo ngành (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



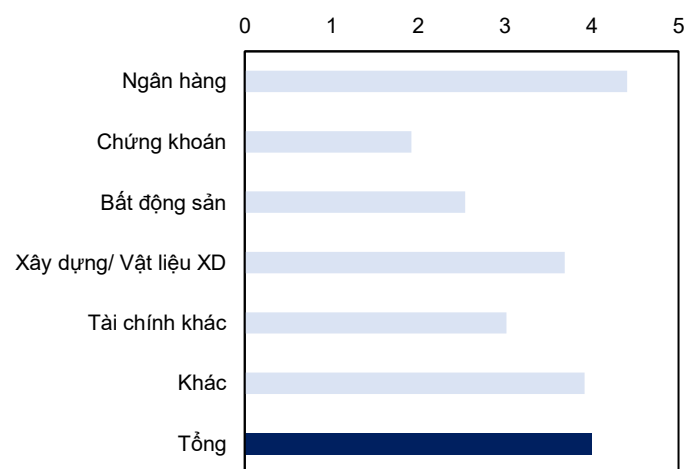
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 5: Lãi suất bình quân gia quyền của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



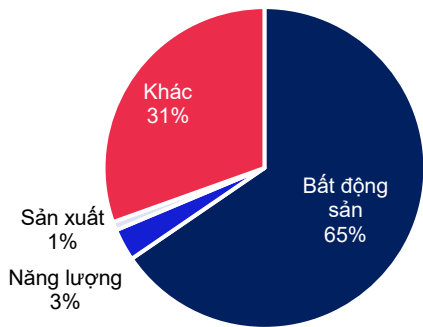
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 6: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2025 theo nhóm ngành (năm)



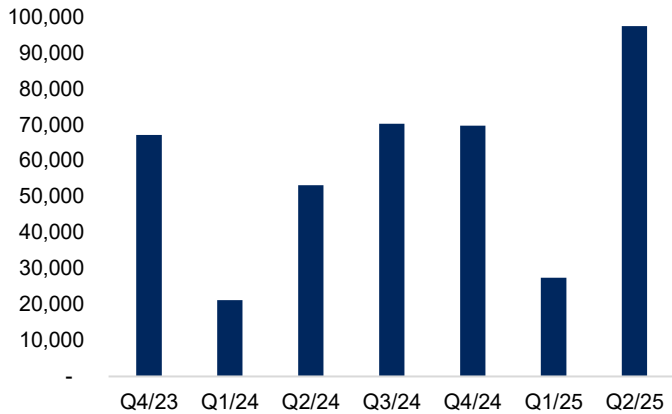
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 45 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 8: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo quý (Đơn vị: tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/7)



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

KBNN phát hành thành công 30,473 tỷ đồng TPCP trong kỳ với lợi suất trúng thầu tăng ở tất cả các kỳ hạn

Trong tháng 6, KBNN đã tăng quy mô chào bán TPCP, với tổng giá trị gọi thầu đạt 49,500 tỷ đồng, tăng 21% so với tháng 5. Trong đó, có 30,473 tỷ đồng được huy động thành công, tương ứng tỷ lệ trúng thầu đạt 61.6% - tăng 17.5% so với tháng trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025, KBNN đã phát hành được tổng cộng 201,390 tỷ đồng TPCP, hoàn thành 40.3% kế hoạch năm và Q2 hoàn thành 76%. Trong đó, kỳ hạn 10N và 5N có lượng giá trị phát hành lớn nhất lần lượt là 167,811 và 24,000 tỷ đồng. Trong Q3/2025, KBNN dự kiến phát hành thêm 120,000 tỷ đồng TPCP.

Lợi suất trái phiếu trúng thầu tăng mạnh 18 điểm cơ bản ở kỳ hạn 5N lên mức 2.6%/năm. Trong khi lợi suất kỳ hạn 10N và 15N lần lượt tăng 10 điểm cơ bản và 7 điểm cơ bản lên mức 3.2%/năm và 3.3%/năm.

Hình 9: Kết quả phát hành TPCP từ đầu năm 2025 đến nay (tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN 2025	KBNN đã phát hành 2025	% Kế hoạch KBNN 2025
3 Năm	40,000		
5 Năm	100,000	24,000	24%
7 Năm	10,000	0	0%
10 Năm	230,000	167,811	73%
15 Năm	85,000	7,145	8%
20 Năm	10,000	500	5%
30 Năm	25,000	1,934	8%
Tổng	500,000	201,390	40.3%

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/6/2025

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

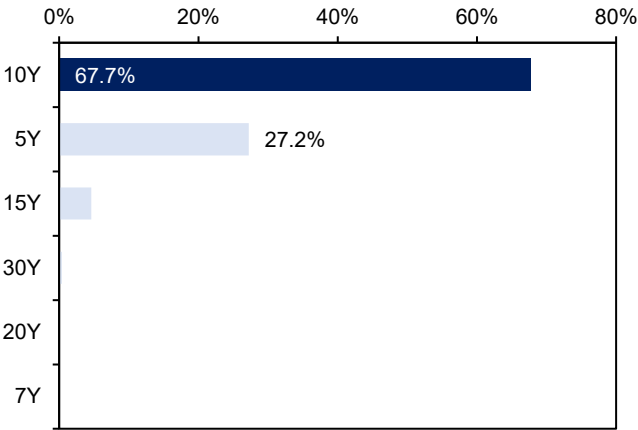
Hình 10: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T6/2025 (%)

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3N				
5N	8,500	8,300	98%	2.46% - 2.59%
7N				
10N	31,000	20,640	67%	3.1% - 3.18%
15N	8,000	1,410	18%	3.2% - 3.27%
20N				
30N	2,000	123	6%	3.40%
Tổng	49,500	30,473	61.6%	Đơn vị: tỷ đồng

*Tính đến thời điểm 30/6/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

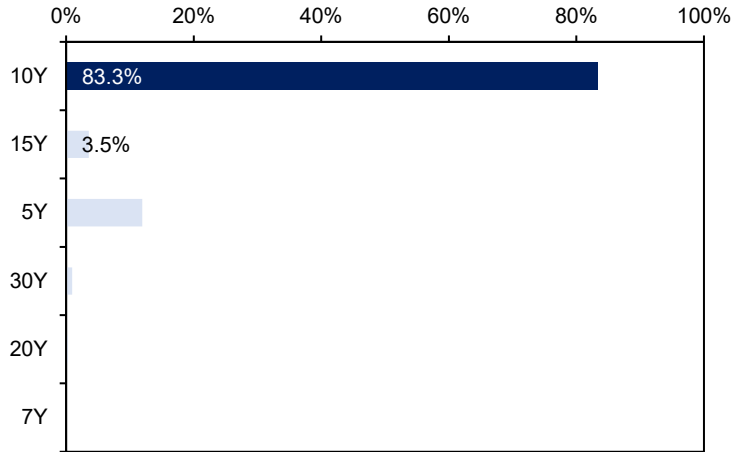
Hình 11: Tỷ trọng TPCP phát hành T6/2025



*Tính đến thời điểm 30/6/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

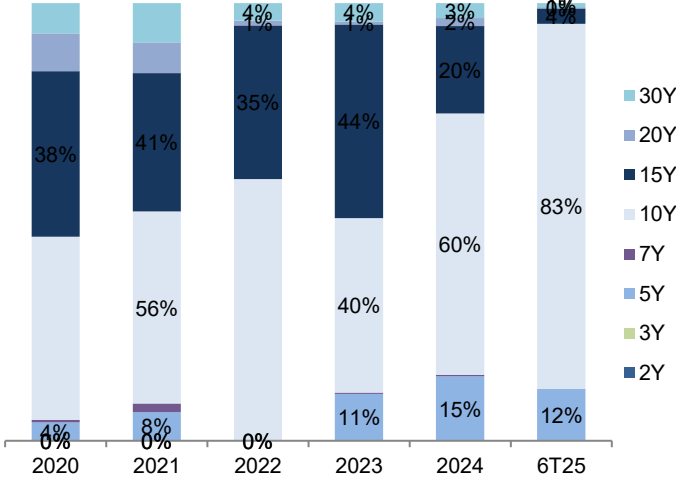
Hình 12: Tỷ trọng TPCP phát hành trong năm 2025



*Tính đến thời điểm 30/6/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 14: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 30/6/2025

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	31/12/2024
Mỹ	4.23	-11.95	-17.2	-34.1
EU	2.61	9.99	10.7	24.0
Nhật Bản	1.43	1.70	-6.9	29.6
Trung Quốc	1.65	0.80	-5.6	-2.5
Hàn Quốc	2.81	-6.00	3.5	-6.4
Ấn Độ	6.32	1.88	3.6	-43.6
Malaysia	3.52	-6.80	-0.5	-29.9
Singapore	2.25	-6.86	-19.7	-63.2
Indonesia	6.63	-19.04	-24.0	-37.1
Philippines	5.02	-10.30	-14.3	-38.8
Thái Lan	1.62	-7.60	-25.1	-68.8
Việt Nam	3.22	2.10	10.7	24.8

* Số điểm cơ bản thay đổi so với hiện tại

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

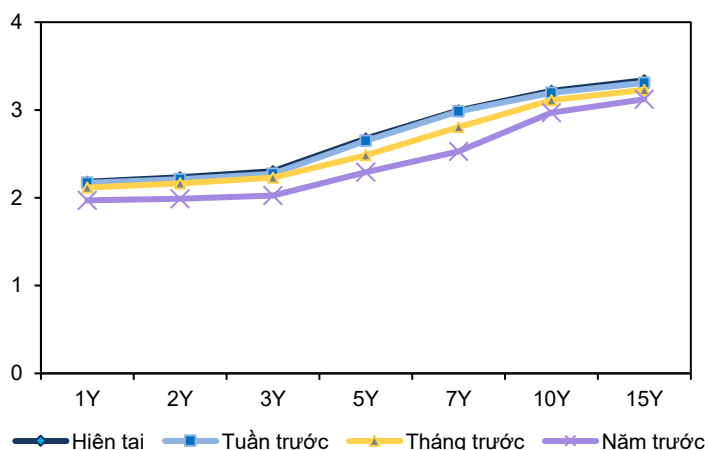
Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP có xu hướng tăng trong tháng tại tất cả các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp tăng 22.5% so với tháng trước. NĐTNN bán ròng gần 13.5 tỷ đồng TPCP trong tháng 6.

Lợi suất kỳ hạn 10N tiếp tục xu hướng tăng và duy trì trên ngưỡng 3% trong suốt tháng 6. Đến cuối tháng 6, lợi suất kỳ hạn 10N ở mức 3.2%/năm (+11 điểm cơ bản so với cuối tháng trước), trong khi lợi suất kỳ hạn 2N tăng 7 điểm cơ bản so với tháng trước lên mức 2.2%/năm.

Giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường TPCP thứ cấp đạt hơn 16.7 nghìn tỷ đồng, tăng 22.5% so với tháng trước. Trong đó, giao dịch outright chiếm 74% khối lượng trong kỳ với khoảng 260.1 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch đạt gần 12.4 nghìn tỷ đồng/ngày, tăng 27.8% so với bình quân tháng trước. Giá trị giao dịch repos bình quân tăng 9.7% so với tháng trước, với giá trị giao dịch đạt gần 4.4 nghìn tỷ đồng/ngày. Tổng giá trị khối ngoại bán ròng đạt gần 13.5 nghìn tỷ đồng TPCP trong kỳ. Lũy kế từ đầu năm 2025, NĐTNN đã mua ròng khoảng 2.1 nghìn tỷ đồng.

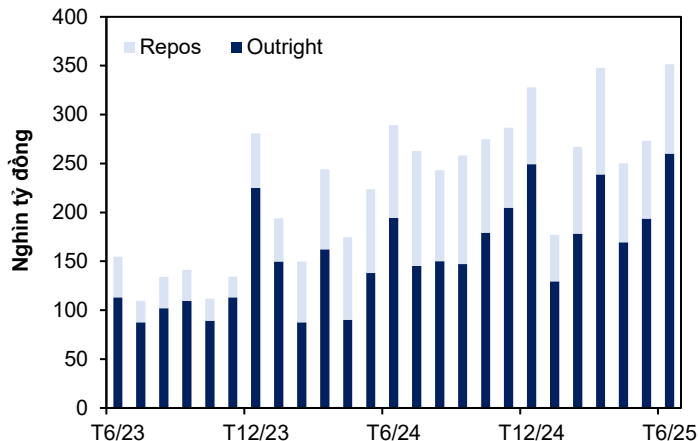
Hình 15: Lợi suất TPCP (%)



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/6

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

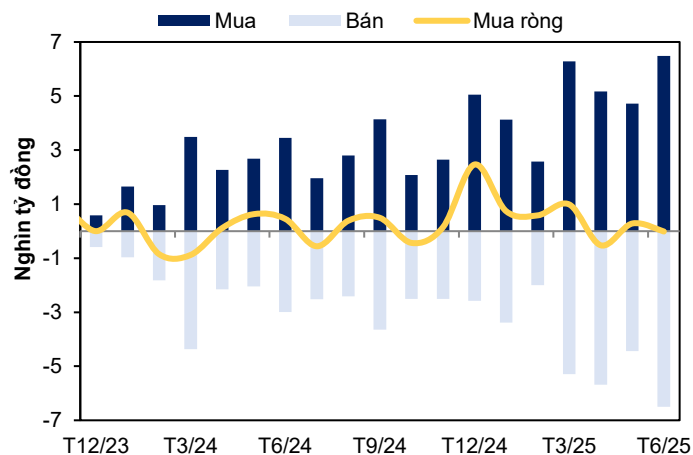
Hình 16: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/6

Nguồn: HNX, MBS Research

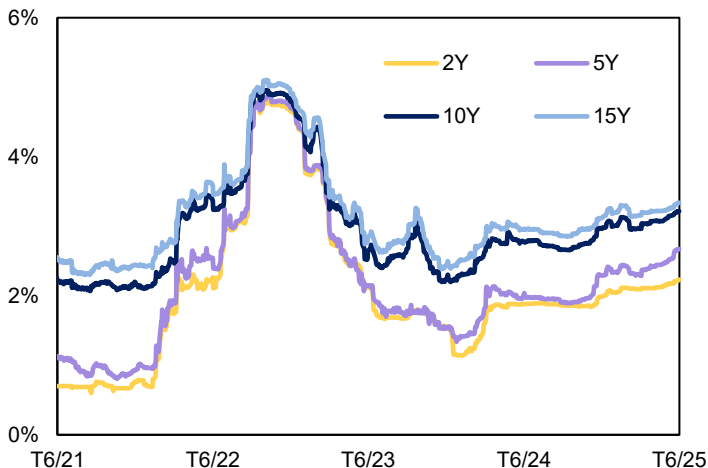
Hình 17: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/6

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 18: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/6

Nguồn: HNX, MBS Research

Phụ lục

Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	2 - 3	37,000	5.0% - 5.2%
Ngân hàng TMCP Á Châu	2 - 3	29,150	4.95% - 5.8%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 - 3.2	18,000	12.0%-12.5%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7 - 15	17,835	5.68% - 6.4%
Ngân hàng TMCP Quân Đội	6 - 10	17,699	5.0% - 6.48%
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3	17,500	5.2%-5.4%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8 - 15	16,350	5.73%-6.35%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	3	13,900	5.1% - 5.4%
Ngân hàng TMCP An Bình	2 - 3	8,800	5.6% - 6.0%
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	3 - 10	8,237.2	5.5% - 7.28%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 20: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
CTCP Tập đoàn Vingroup	2 – 3.2	18,000	12.0%-12.5%
CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	3	7,500	12.0%-12.5%
Công ty TNHH Công Nghiệp - Bất Động Sản và Xây dựng Song Phương	5	388.5	12.0%
CTCP Xuất nhập khẩu Sài Gòn Xanh	5	192	12.0%
CTCP Tập đoàn đầu tư Tây Bắc	3	120	11.5%
CTCP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	3	1914.1	11.0%
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	3	660	11.0%
CTCP Fecon	1.5	120	11.0%
CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	3	150	10.5%
CTCP Kinh doanh F88	1 - 1.5	100	10.5%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 21: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 5 và tháng 6

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	05/2025	500	5.7%	24
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	05/2025	700	5.7%	24
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	05/2025	1,000	5.6%	24
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	05/2025	2,000	5.7%	24
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	05/2025	1,000	5.6%	24
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	05/2025	500	5.4%	24
ASG	CTCP Tập đoàn ASG	05/2025	300	9.5%	36
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	05/2025	1,000	5.4%	24
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	05/2025	1,000	5.4%	24
BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	05/2025	500	10.0%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	173	5.9%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	305	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	780	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	2,200	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	1,100	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	1,200	6.26%	180
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	355	5.83%	96

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	53	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	238	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	1,500	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	100	6.3%	180
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	150	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	05/2025	3,000	5.83%	96
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	05/2025	600	5.78%	96
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	05/2025	200	6.38%	96
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	05/2025	50	6.18%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	05/2025	400	6.38%	96
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	05/2025	2,000	5.3%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	05/2025	500	5.3%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	05/2025	500	5.4%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	05/2025	1,500	5.1%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	05/2025	1,500	5.1%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	05/2025	1,500	5.4%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	05/2025	2,000	5.1%	24
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	05/2025	4,000	5.1%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	05/2025	1,000	5.1%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	05/2025	253	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	05/2025	1,500	5.5%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	05/2025	1,000	5.5%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	05/2025	1,000	5.5%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	05/2025	100	6.88%	120
VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	05/2025	659	8.0%	12
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	05/2025	2,000	12.5%	24
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	05/2025	2,000	12.5%	24
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	05/2025	2,000	12.5%	24
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	05/2025	2,000	12.5%	24
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	05/2025	1,000	5.2%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	05/2025	2,000	5.4%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	05/2025	1,500	5.2%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	05/2025	3,000	5.4%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	05/2025	2,500	5.2%	36
VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	05/2025	150	10.5%	36
	CTCP kinh doanh F88	05/2025	50	10.5%	12
	CTCP Chứng khoán Kỹ thương	05/2025	500	7.5%	36
	Công ty TNHH Công Nghiệp - Bất Động Sản và Xây dựng Song Phương	05/2025	389	12.0%	60
	CTCP Xây dựng, Đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng	05/2025	3,466	8.3%	60
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	05/2025	400	6.8%	24
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	05/2025	400	6.8%	24
	CTCP AAC Việt Nam	05/2025	500	8.5%	72
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	05/2025	400	6.8%	24
	CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	05/2025	5,000	12.5%	36
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	06/2025	500	5.6%	24
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	06/2025	1,000	5.8%	36
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	2,000	5.3%	24
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	5,000	4.95%	24
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	250	5.3%	24

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	1,600	5.3%	24
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	5,000	4.95%	24
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	5,000	4.95%	24
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	1,000	5.6%	36
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	5,000	5.4%	24
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	06/2025	1,000	5.4%	24
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	600	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	250	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	85	5.9%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	200	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	360	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	850	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	202	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	260	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	122	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	100	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	150	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	135	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	367	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	150	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	150	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	200	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	2,000	5.88%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	500	6.4%	240
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	06/2025	200	10.25%	60
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	06/2025	850	5.83%	96
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	06/2025	400	5.73%	96
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	06/2025	1,000	5.83%	96
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	06/2025	3,000	5.88%	96
FCN	CTCP Fecon	06/2025	120	11.0%	18
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	50	6.18%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	2,000	6.48%	120
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	5,000	5.0%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	200	6.38%	96
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	2,000	5.0%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	500	6.18%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	5,000	5.4%	36
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	06/2025	1,000	5.2%	36
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	06/2025	1,000	5.2%	36
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	06/2025	500	5.6%	36
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	06/2025	260	7.0%	84
NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	06/2025	660	11.0%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	06/2025	900	5.4%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	06/2025	500	5.4%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	06/2025	1,000	5.4%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	06/2025	3,000	5.4%	36
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	06/2025	3,000	7.65%	84
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	2,500	5.1%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	2,000	5.1%	24
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	2,000	5.1%	24

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	2,000	5.1%	24
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	5,000	5.1%	24
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	1,000	5.0%	24
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	2,000	5.1%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	339	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	124	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	1,000	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	100	6.78%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	112	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	188	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	196	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	181	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	196	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	163	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	321	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	138	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	394	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	589	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	76	6.78%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	217	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	114	7.28%	120
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	06/2025	1,000	12.0%	36
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	06/2025	1,000	10.5%	60
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	06/2025	1,500	5.2%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	06/2025	2,000	5.4%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	06/2025	1,000	5.2%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	06/2025	3,000	5.4%	36
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2025	350	7.1%	36
	CTCP Vật tư nông sản	06/2025	210	10.0%	42
	CTCP chứng khoán Kỹ thương	06/2025	500	7.0%	13
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2025	400	6.8%	24
	CTCP kinh doanh F88	06/2025	50	10.5%	18
	CTCP AAC Việt Nam	06/2025	750	9.1%	84
	CTCP Đầu tư đường Mặt Trời	06/2025	200	8.0%	12
	Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei (Tên cũ: Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei)	06/2025	1,000	7.5%	72
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2025	500	7.1%	36
	CTCP Tập đoàn đầu tư Tây Bắc	06/2025	120	11.5%	36
	CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT HYOSUNG VINA	06/2025	250	7.0%	12
	Công ty TNHH Dịch vụ thương mại tổng hợp An Thịnh	06/2025	5,000	9.0%	18
	CTCP Tư vấn và Kinh doanh bất động sản TCO	06/2025	5,000	9.0%	18
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2025	400	6.8%	24
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2025	350	6.8%	24
	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sài Gòn Xanh	06/2025	192	12.0%	60
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2025	400	6.8%	24
	CTCP Crystal Bay Việt Nam	06/2025	755	9.5%	60
	CTCP Đầu tư và Phát triển du lịch Phú Quốc	06/2025	2,400	9.7%	60
	CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	06/2025	2,500	12.0%	36
	CTTCP Thành Thành công - Biên Hòa	06/2025	500	9.6%	36
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	06/2025	4,700	6.48%	120

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	06/2025	250	6.68%	180
	CTCP AAC Việt Nam	06/2025	350	9.1%	84

Nguồn: HNX, MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu
Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng
Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường
Ngô Quốc Hưng
Nghiêm Phú Cường
Đinh Hà Anh
Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính
Đinh Công Luyện
Phạm Thị Thanh Hương

Bất động sản
Nguyễn Minh Đức
Lê Hải Thành
Phạm Thị Thanh Huyền

Công nghiệp – Năng Lượng
Nguyễn Hà Đức Tùng
Mai Duy Anh

Dịch vụ - Tiêu dùng
Nguyễn Quỳnh Ly
Nguyễn Phương Anh